

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 12 - 2021
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.
2. Bà Nguyễn Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Phú Quý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Kương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2021/QĐXX-ST ngày 04 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 154/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23/11/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Kim Th, sinh năm 1991;

HKTT: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đ.

(Chị Th có mặt, anh H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 02 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Đoàn Thị Kim Th trình bày:

1. Về hôn nhân: Vào năm 2010, chị Đoàn Thị Kim Th và anh Nguyễn Văn H được hai bên gia đình tổ chức đám cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đ vào năm 2011. Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 66/2011 ngày 14/7/2011 theo đúng quy định của pháp luật. Vợ chồng sống chung hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H có người phụ nữ khác ở bên ngoài nên không lo cho gia đình, vợ con. Chị Th đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh H không thay đổi, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, sống với nhau không còn hạnh phúc. Từ tháng 6/2020, chị Th đã về bên nhà cha mẹ ruột sinh sống và xa nhau cho đến nay. Từ khi vợ chồng sống xa nhau, hai bên không có tìm cách để hàn gắn tình cảm nên không ai quan tâm đến ai, mạnh ai người đó sống. Nay xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn không đạt được nên chị Th yêu cầu được ly hôn với anh H.

2. Về con chung: Quá trình sống chung có 01 con chung tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 20/4/2011 đang sống chung với anh H. Chị Th đồng ý giao con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị Th không cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Văn H*: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ bị đơn anh Nguyễn Văn H đến làm việc nhưng anh H vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th.

- *Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò phát biểu*:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng để nghị án. Xác định đúng tư cách đương sự và quan hệ tranh chấp. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ tố tụng, không tuân theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung: Chị Th và anh H có tổ chức đám cưới có đăng ký kết hôn và được UBND xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của chị Th và anh H là hợp pháp. Vợ chồng đã sống chung hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và đã xa nhau từ tháng 6/2020 cho đến nay nhưng chị Th và anh H không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm của vợ chồng. Anh H đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án nhiều lần nhưng đều vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình, từ đó cho thấy anh H không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng chị Th và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 20/4/2011, hiện anh H đang chăm sóc, nuôi

đường. Chị Th đồng ý giao con cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng và cháu Tín cũng có nguyện vọng được sống với anh H. Do đó, giao con chung cho anh H được tiếp tục nuôi, về cấp dưỡng nuôi con thì không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Đoàn Thị Kim Th có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H, có yêu cầu xem xét giao con cho anh H nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ không yêu cầu Toà án giải quyết nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và bị đơn cư trú tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với anh H là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Chị Đoàn Thị Kim Th và anh Nguyễn Văn H tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Chị Th và anh H được Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 66/2011 vào ngày 14/7/2011. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn giữa chị Th và anh H là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, qua thời gian chung sống chị Th và anh H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Theo như chị Th trình bày thì nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh H sống không chung thủy, không lo cho vợ con. Từ tháng 6/2020, vợ chồng đã sống xa nhau cho đến nay. Từ khi vợ chồng sống xa nhau cho đến nay chị Th và anh H cũng không gặp nhau để tìm giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng để đoàn tụ. Còn anh H mặc dù đã được Toà án triệu tập đến Toà án nhiều lần nhưng đều vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin hôn của chị Th, điều này chứng tỏ anh H không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng mà để mặc cho cuộc hôn nhân này ra sao thì ra. Như vậy, có căn cứ xác định hôn nhân giữa chị Th và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th. Cho chị Đoàn Thị Kim Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

[3] Về con chung: Theo chị Th trình bày quá trình sống chung chị Th và anh H chỉ có 01 con chung tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 20/4/2011 hiện đang sống chung với anh H, từ khi ly thân đến nay anh H vẫn chăm sóc cho cháu T phát triển tốt về thể chất và tinh thần và con có nguyện vọng được tiếp tục sống với anh H nên chị Th đồng ý giao con cho anh H nuôi dưỡng. Còn anh H không có văn bản trình bày ý kiến của mình về con chung. Tuy nhiên, con chung hiện nay đang do anh H nuôi dưỡng nghỉ nên giao con chung tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 20/4/2011 cho anh H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Về cấp dưỡng nuôi con, chị Th không đồng ý cấp dưỡng, còn anh H không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đoàn Thị Kim Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh H cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đoàn Thị Kim Th phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Vò là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, Điều 14, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đoàn Thị Kim Th. Cho chị Đoàn Thị Kim Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung:

Giao chung tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 20/4/2011 cho anh Nguyễn Văn H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

Sau ly hôn, chị Đoàn Thị Kim Th được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Hữu T, anh Nguyễn Văn H và các thành viên trong gia đình anh H không ai được cản trở chị Th thực hiện quyền này. Trong trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì

Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Đoàn Thị Kim Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị Th đã nộp theo biên lai số BI/2019/0013974 ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

6. Chị Đoàn Thị Kim Th được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Anh Nguyễn Văn H được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Văn Nội